

Số: 190/BC-NAFSC

Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO

Về Kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022
của Công ty cổ phần dịch vụ nhiên liệu hàng không Nội Bài

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu
hàng không Nội Bài**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần dịch vụ nhiên liệu hàng không Nội Bài;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Công ty Cổ phần dịch vụ nhiên liệu Hàng không Nội Bài kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022, cụ thể như sau:

Phần I. Kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2021

Trong năm 2021, do tiếp tục bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động của ngành hàng không trong nước và thế giới đã bị tác động nặng nề, các chuyến bay thương mại đến và đi tại nhà ga T2 Nội Bài rất ít, ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty, sản lượng tra nạp và doanh thu của đơn vị vẫn còn thấp.

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ nhiên liệu hàng không Nội Bài năm 2021 thông qua, kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2021 như sau:

- Sản lượng tra nạp nhiên liệu năm 2021: 55.396 tấn, đạt 81% kế hoạch năm (giảm 44% so với năm 2020), trong đó:

+ Sản lượng tra nạp quốc tế: 52.435 tấn;

+ Sản lượng tra nạp nội địa: 2.961 tấn.

- Tổng doanh thu năm 2021: 20.964 triệu đồng, đạt 89% kế hoạch năm (giảm 40% so với năm 2020).

- Tổng chi phí năm 2021: 33.350 triệu đồng, đạt 88% kế hoạch năm (giảm 33% so với năm 2020).

- Lợi nhuận trước thuế: -12.386 triệu đồng, giảm lỗ 2.191 triệu đồng (giảm lỗ 15% so với kế hoạch năm).

- Lợi nhuận trước thuế sau khi hoàn nhập dự phòng chi phí sửa chữa trích trước:
- 425 triệu đồng.

Chi tiết cụ thể như sau:

1. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH2021 /KH2021	Tỷ lệ TH2021 /TH2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)	(8)=(6)/(4)
I	Tổng sản lượng tra nạp	Tấn	98.728	68.140	55.396	81%	56%
1	Sản lượng tra nạp quốc tế	Tấn	90.460	61.386	52.435	85%	58%
2	Sản lượng tra nạp nội địa	Tấn	8.268	6.754	2.961	44%	36%
II	Tổng doanh thu	Triệu đồng	35.001	23.494	20.964	89%	60%
1	Doanh thu dịch vụ tra nạp	Triệu đồng	29.324	20.076	16.714	83%	57%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.054	2.742	3.188	116%	63%
3	Doanh thu khác	Triệu đồng	624	676	1.061	157%	170%
III	Tổng chi phí	Triệu đồng	49.826	38.072	33.350	88%	67%
IV	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-14.824	-14.578	-12.386		
V	Hoàn nhập chi phí sửa chữa TSCĐ trích trước	Triệu đồng		12.000	11.961		
VI	Lợi nhuận trước thuế sau khi hoàn nhập dự phòng chi phí sửa chữa TSCĐ	Triệu đồng		-2.578	-425		

1.1. Về sản lượng

- Đối với sản lượng tra nạp quốc tế: do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp nên các đường bay thương mại quốc tế vẫn chưa thể phục hồi khai thác trong năm 2021. Sản lượng quốc tế chủ yếu là các chuyến bay đưa người Việt hồi hương và chuyên gia vào Việt Nam công tác. Do đó, sản lượng tra nạp quốc tế là 52.435 tấn (đạt 85% kế hoạch năm 2021 và 58% so với thực hiện năm 2020).

- Đối với sản lượng tra nạp nội địa: được sự hỗ trợ của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (ACV) và Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (SKYPEC), Công ty đã thực hiện tra nạp nhiên liệu cho một số chuyến bay nội địa khi đỗ tại khu vực nhà ga T2 – Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài.

Tuy nhiên, do làn sóng dịch lần thứ tư ở Việt Nam bùng phát từ ngày 27/04/2021, chính sách vận chuyển bằng đường hàng không bị hạn chế, nhiều đường bay bị giảm tần suất, dừng khai thác, thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài (05 tháng) đặc biệt đường bay chính Hà Nội-Hồ Chí Minh bị dừng, hạn chế tần suất bay nên sản lượng tra nạp nội địa năm 2021 của Công ty chỉ đạt 2.961 tấn (đạt 44% kế hoạch năm 2021 và 36% so với thực hiện năm 2020).

1.2. Về Doanh thu: Tổng Doanh thu năm 2021 là 20.964 triệu đồng, đạt 89% kế hoạch năm 2021 và 60% so với thực hiện năm 2020. Trong đó:

+ Doanh thu dịch vụ tra nạp: 16.714 triệu đồng, đạt 83% kế hoạch năm 2021 và 57% so với thực hiện năm 2020. Đây là doanh thu chính của NAFSC và phụ thuộc vào sản lượng tra nạp nhiên liệu. Tuy nhiên, do điều kiện bất khả kháng ảnh hưởng của dịch bệnh, sản lượng tra nạp nhiên liệu sụt giảm mạnh dẫn đến doanh thu dịch vụ tra nạp không đạt kế hoạch.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 3.188 triệu đồng, đạt 116% kế hoạch năm 2021 và 63% so với thực hiện năm 2020, là khoản lãi tiền gửi do công tác thu vốn nhanh và sử dụng nguồn tiền hợp lý.

+ Doanh thu khác: 1.061 triệu đồng, đạt 157% kế hoạch năm 2021 và 170% so với thực hiện năm 2020 (trong đó thường tiết kiệm hao hụt nhiên liệu từ SKYPEC là 1.056 triệu đồng).

1.3. Về chi phí: Tổng chi phí năm 2021: 33.350 triệu đồng, đạt 88% kế hoạch năm 2021 và 67% thực hiện năm 2020.

Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp để tiết giảm tối đa các chi phí để bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH2021 /KH2021	Ghi chú
	Tổng chi phí	38.072	33.350	88%	
1	Chi phí nhân công	15.356	12.650	82%	
	<i>Chi phí tiền lương</i>	<i>11.956</i>	<i>9.804</i>	<i>82%</i>	<i>Điều chỉnh giảm quỹ lương</i>
2	Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	918	662	72%	Tiết kiệm giảm 28%/KH năm
3	Chi phí công cụ dụng cụ	75	32	43%	Tiết kiệm giảm 57%/KH năm
4	Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.166	9.125	100%	
5	Các khoản thuế, phí, lệ phí	102	93	91%	Tiết kiệm giảm 9%/KH năm
6	Chi phí sửa chữa tài sản	3.862	3.189	83%	Tiết kiệm giảm 17%/KH năm
7	Chi phí thuê tài sản	897	866	97%	Tiết kiệm giảm 3%/KH năm
8	Chi phí bảo hiểm tra nạp, cháy nổ, TNDS,....	4.182	4.055	97%	Tiết kiệm giảm 3%/KH năm
9	Chi phí đào tạo, huấn luyện	284	180	63%	Tiết kiệm giảm 27%/KH năm
10	Chi phí dịch vụ mua ngoài	463	461	99%	Tiết kiệm giảm 1%/KH năm
11	Chi phí phục vụ hoạt động thường xuyên	2.764	2.037	74%	Tiết kiệm giảm 26%/KH năm

Năm 2021, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, hoạt động SXKD của Công ty tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề, Ban điều hành Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết giảm chi phí SXKD, cụ thể như sau:

- Chủ động làm việc với ACV để giảm giá thuê văn phòng, dịch vụ ...theo chính sách của Chính phủ dành cho ngành hàng không và ACV đối với các khách hàng hoạt động tại các cảng hàng không.

- Phối hợp với SKYPEC triển khai thực hiện tra nạp cho các chuyến bay nội địa khi đỗ tại sân đỗ nhà ga T2 Nội Bài để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Giảm chi phí, tiền lương, các khoản chi phí bắt buộc BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, ăn ca theo quy định: Thực hiện cho người lao động nghỉ luân phiên và bố trí nhân công làm việc trực tiếp khai thác, cụ thể:

- Đối với lao động trực tiếp: Bố trí nghỉ luân phiên, nghỉ không hưởng lương.

+ Số người lao động đi làm bình quân/tháng là: 62/121 lao động trực tiếp (chiếm 51% số lượng lao động trực tiếp), công lao động trực tiếp thực tế bình quân chi trả năm là 21/26 công.

- Đối với lao động gián tiếp: Bố trí nghỉ luân phiên, nghỉ không hưởng lương,

+ Số người lao động đi làm bình quân/tháng là 14/17 lao động gián tiếp (chiếm 82% số lượng lao động gián tiếp), công lao động gián tiếp thực tế bình quân chi trả năm 2021 là 19/22 công.

- Tiết giảm chi phí nhiên, nguyên vật liệu; chi phí hoạt động thường xuyên, dịch vụ mua ngoài, chi phí đào tạo huấn luyện,...

+ Giảm tiến độ thực hiện các công tác bảo dưỡng, sửa chữa chưa thực sự cần thiết để giảm chi phí.

+ Yêu cầu CBCNV sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, tiết kiệm điện nước, văn phòng phẩm, ...

+ Bố trí trang thiết bị và phương tiện phù hợp sự thay đổi số lượng các chuyến bay quốc tế tại CHKQT Nội Bài.

1.4. Về lợi nhuận:

Trên cơ sở cân đối tình hình hoạt động SXKD, Công ty đã rà soát cắt giảm chi phí cho hoạt động SXKD, tuy nhiên do bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 nên sản lượng tra nạp chỉ đạt 81% so với kế hoạch, doanh thu của Công ty chỉ đạt 89% so với kế hoạch nhưng mức lỗ của đơn vị giảm 2.191 triệu đồng (Lỗ 12.386 trđ/14.578 trđ KH 2021), giảm lỗ 15% so với kế hoạch năm 2021 và giảm lỗ 16% so với thực hiện năm 2020.

2. Đánh giá chung về những mặt đã đạt được trong năm 2021

2.1. Công tác hành chính, quản trị, nhân sự lao động tiền lương

- Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã xem xét, sửa đổi và ban hành 04 Quy chế:

- + Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- + Quy chế hoạt động của HĐQT;

- + Quy chế hoạt động của Ban điều hành Công ty;
- + Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

- Công ty đã phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội và UBND Huyện Sóc Sơn thực hiện chi trả, hỗ trợ cho người lao động nghỉ việc không hưởng lương do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

- Năm 2021, Công ty có 03 người lao động chấm dứt hợp đồng lao động.
- Công ty đã tổ chức thi và xét nâng bậc cho 07 cán bộ công nhân viên, trong đó:
 - + Khối trực tiếp: 06 người
 - + Khối gián tiếp: 01 người.

- Mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 nên doanh thu bị sụt giảm, chi phí tiền lương nhân công bị cắt giảm.... Tuy nhiên, tập thể CBCNV của Công ty vẫn đoàn kết, đồng lòng và chia sẻ những khó khăn với hoạt động của đơn vị: nghỉ luân phiên, giảm tiền công, giờ làm việc...trong giai đoạn đơn vị bị ảnh hưởng bởi dịch Covid.

Quỹ lương thực hiện năm 2021: 9.804 triệu đồng (*giảm 18% kế hoạch năm 2021 và giảm 46% so với năm 2020*).

+ Tiền lương bình quân/tháng người có HĐLĐ năm 2021: 5.913.238 đồng (*giảm 17% kế hoạch năm 2021 và giảm 45% so với năm 2020*).

+ Tiền lương bình quân/tháng người đi làm thực tế năm 2021: 10.738.859 đồng (*giảm 3% kế hoạch năm 2021 và giảm 20% so với năm 2020*).

2.2. Công tác đào tạo

Trong năm 2021, Công ty không tổ chức các lớp đào tạo nâng cao, chỉ tổ chức các lớp đào tạo bắt buộc theo quy định, bao gồm:

- + Lớp đào tạo huấn luyện lái xe thông thường;
- + Lớp đào tạo huấn luyện An toàn hóa chất;
- + Lớp huấn luyện An ninh kiểm soát định kỳ;
- + Lớp huấn luyện An ninh soi chiếu định kỳ;
- + Lớp Hàng hóa nguy hiểm;
- + Lớp An toàn vệ sinh lao động;
- + Lớp đào tạo nội bộ Hệ thống quản lý an toàn cho người lao động trước khi đi làm trở lại sau khi nghỉ luân phiên trong dịch covid -19.

2.3. Công tác đảm bảo an ninh an toàn:

- Thực hiện tốt công tác an ninh an toàn, không có sự cố xảy ra tại sân đỗ và khu kho chứa nhiên liệu.

- Định kỳ hàng tháng, thực hiện công tác huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho đội phòng cháy cơ sở của Công ty.

- Phối hợp với Công an PCCC&CNCH huyện Sóc Sơn, Đội khẩn nguy cứu hỏa – Trung tâm điều hành sân bay, Cảng HKQT Nội Bài tổ chức diễn tập phương án PCCC&CNCH, PTTT&TKCN và ứng phó sự cố hóa chất tại chỗ nhằm củng cố và nâng cao ý thức đảm bảo an toàn PCCC&CNCH cho CBCNV, sẵn sàng ứng phó với các tình huống sự cố xảy ra.

- Phối hợp bảo đảm an ninh với cơ quan công an địa phương, thực hiện tốt việc tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn hàng không trong dịp lễ, tết.

- Triển khai công tác huấn luyện và đào tạo định kỳ về an ninh, an toàn cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

- Thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không nội bộ định kỳ theo đúng kế hoạch của Công văn số 759/CV-NAFSC ngày 17/11/2020 gửi Cục Hàng không Việt Nam về kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm 2021.

- Thực hiện ký cam kết chất lượng dịch vụ (Service Level Agreement – SLA) với Trung tâm khai thác Nội Bài (NOC) nhằm đảm bảo cung cấp chất lượng dịch vụ tra nạp nhiên liệu cho tàu bay an toàn, đúng giờ. NAFSC đã thực hiện tốt 14 chỉ tiêu đã cam kết và được NOC đánh giá cao trong năm 2021,

2.4. Công tác phòng chống dịch Covid-19

- Nghiêm túc thực hiện phòng chống dịch bệnh Covid-19: Thực hiện các khuyến nghị, hướng dẫn của Bộ Y tế, Cục Hàng không Việt Nam và tuân thủ thông điệp 5K của Bộ Y tế “KHẨU TRANG - KHỬ KHUẨN – KHOẢNG CÁCH – KHÔNG TỤ TẬP – KHAI BÁO Y TẾ” +Vắc xin.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: Kể từ khi dịch bệnh phát sinh từ đầu năm 2020 đến 31/12/2021, Công ty không có lao động bị nhiễm dịch Covid-19.

- Triển khai, tuân thủ nghiêm các biện pháp đối phó với dịch viêm phổi cấp (COVID-19) như: Đăng ký điểm khai báo y tế tại Công ty bằng mã QR và đo nhiệt độ cơ thể khi ra vào Công ty, đeo khẩu trang tại nơi làm việc và khi tiếp xúc chỗ đông người, thường xuyên rửa tay bằng nước sát khuẩn, định kỳ phun thuốc khử khuẩn tại các vị trí làm việc trong Công ty, tuyên truyền nâng cao ý thức tự bảo vệ bản thân trước dịch bệnh cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên.

- Số người lao động Công ty đã được tiêm vắc xin phòng Covid-19 là: số người tiêm 2 mũi 136/137 người (tỉ lệ 99%), số người tiêm 3 mũi 122/137 người (89%), 01 lao động đang mang thai nên không đủ điều kiện tiêm vắc xin dịch Covid-19.

- Thường xuyên thông kê và rà soát lịch sử đi lại, lưu trú của toàn bộ CBCNV Công ty, yêu cầu CBCNV chủ động khai báo với Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 của Công ty khi có tiếp xúc với người bệnh và đi qua vùng dịch.

- Tất cả CBCNV tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh việc khai báo y tế qua các điểm check point của Công ty, đeo khẩu trang, đo thân nhiệt, sát khuẩn tay và vệ sinh thường xuyên khu vực làm việc, định kỳ phun thuốc khử khuẩn tại các vị trí làm việc trong Công ty;

- Tăng cường các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, thực hiện lịch làm việc phân nhóm, hạn chế tiếp xúc tại Công ty cổ phần dịch vụ nhiên liệu hàng không Nội

Bài trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19; Xây dựng các phương án ứng phó, xử lý với các ca lây nhiễm tại đơn vị (nếu có).

- Thành lập Ban chỉ đạo Phòng chống dịch Covid 19 tại đơn vị do Giám đốc Công ty trực tiếp làm Trưởng Ban, các thành viên trong Ban là lãnh đạo các phòng chức năng để thường xuyên và kịp thời triển khai các văn bản, chỉ thị của TP Hà Nội, Bộ Y tế và Ban chỉ đạo Phòng chống dịch của TCT cảng HKVN (ACV) tới toàn thể CBCNV.

2.5. Công tác đầu tư:

Năm 2021, Công ty không thực hiện đầu tư mới, chỉ tập trung vào công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện, trang thiết bị đảm bảo hệ thống tra nạp nhiên liệu luôn luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

2.6. Công tác bảo trì, tiếp nhận và tra nạp nhiên liệu:

Trong năm 2021, NAFSC đã thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện vận tải, đảm bảo khai thác vận hành hệ thống hoạt động an toàn, hiệu quả, luôn đáp ứng chỉ tiêu chất lượng.

a. Công tác bảo trì:

- Thực hiện tốt bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị của hệ thống tra nạp nhiên liệu ngầm và các phương tiện tra nạp đúng định kỳ theo quy định trong các tài liệu tiêu chuẩn;

- Kiểm tra định kỳ, đảm bảo nhiên liệu các khâu tiếp nhận, bảo quản và tra nạp.

b. Công tác tiếp nhận:

- NAFSC thực hiện tiếp nhận **1.823** lượt xe từ khách hàng, tương ứng với sản lượng nhập nhiên liệu **73.864.387** lít ở 15°C đảm bảo an toàn hiệu quả.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá người và phương tiện xe bồn khi đến trả hàng tại kho NAFSC.

- Đối với lái xe bồn khi đến trả hàng tại Kho Công ty: Yêu cầu tất cả lái xe đến trả hàng phải cài đặt phần mềm khai báo y tế PC-Covid và khai báo đầy đủ, đo thân nhiệt, đeo khẩu trang và sát khuẩn tay trước khi cho xe bồn qua cổng để vào kho tiếp nhận nhiên liệu JET-A1.

c. Công tác tra nạp: Trong năm 2021, NAFSC thực hiện tra nạp cho **3.286** chuyến bay với sản lượng tra nạp là **69.891.501** lít ở 15°C đảm bảo an toàn, hiệu quả.

2.7. Công tác nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật góp phần vào hiệu quả kinh doanh, hoạt động khai thác:

Dựa trên các tài liệu thiết kế, hướng dẫn vận hành của nhà thầu thi công và lắp đặt hệ thống FHS, kết hợp thông tin thiết bị trên website của nhà sản xuất, đội ngũ kỹ sư của Công ty đã chủ động, sáng tạo triển khai xây dựng số hóa Sổ lý lịch thiết bị tích hợp mã QR để dễ dàng quản lý thiết bị và tra cứu bằng smartphone.

Việc số hóa này đã khắc phục được các nhược điểm nêu trên của sổ lý lịch thiết bị. Các mã QR sau đó được in ra và gắn trực tiếp bên ngoài thiết bị. Khi quét mã QR, người dùng sẽ nhanh chóng tra cứu được toàn bộ thông tin liên quan tới thiết bị, hệ thống tương ứng bao gồm:

+ Thông tin chung về thiết bị như: năm sản xuất, Nhà sản xuất, mục đích sử dụng, đơn vị quản lý, tình trạng hoạt động hiện tại,...

+ Thông số kỹ thuật chi tiết, đặc điểm chính của trang thiết bị

+ Lịch sử bảo dưỡng, sửa chữa, nguyên nhân hỏng hóc, cách xử lý,... của trang thiết bị.

Do số lượng lý lịch thiết bị trong toàn Công ty là rất lớn nên việc số hóa và ứng dụng mã QR để quản lý trang thiết bị hệ thống tra nạp nhiên liệu ngầm đã góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý trang thiết bị của Công ty.

- Triển khai việc quản lý hồ sơ nhân sự thông qua mã QR để dễ dàng tra cứu, thống kê hồ sơ, lý lịch và giấy tờ của từng CBCNV.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm)

Phần II. Kế hoạch SXKD năm 2022

Hiện nay, diễn biến của dịch Covid-19 trên thế giới và Việt Nam vẫn còn rất phức tạp, đặc biệt là biến thể Omicron lây lan nhanh hơn, nguy cơ tái nhiễm cao hơn các biến chủng khác. Đến tháng 5/2022, kế hoạch phục hồi các chuyến bay của các hãng hàng không quốc tế đến Cảng HKQT Nội Bài vẫn chưa có lịch bay cụ thể. Đặc biệt do xung đột vũ trang giữa Nga và Ucraina từ ngày 24/02/2022 ảnh hưởng đến kế hoạch bay của các hãng hàng không.

Căn cứ vào hoạt động thực tế tại Cảng HKQT Nội Bài trong 04 tháng đầu năm 2022 cũng như số liệu do 02 nhà cung cấp nhiên liệu là Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (SKYPEC) và Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex (PA) cung cấp, Công ty đã chủ động nghiên cứu, đánh giá và xây dựng các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2022 phù hợp với diễn biến và tình hình của thị trường hàng không trong nước cũng như quốc tế liên quan hoạt động tại Cảng HKQT Nội Bài.

1. Chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2022

Kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty được xây dựng với một số chỉ tiêu chính, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ KH2022 /TH2021
(1)	(2)	(3)	(4)	$5=(4)/(3)$
I	Sản lượng (tấn)	55.396	152.001	274%
II	Tổng doanh thu	20.964	51.460	245%
III	Tổng chi phí	33.350	45.660	137%
IV	Lợi nhuận trước thuế	-12.386	5.800	
V	Hoàn nhập CPSC trích trước	11.961		
VI	Lợi nhuận trước thuế sau khi hoàn nhập CPSC trích trước	-425		

1.1. Về sản lượng: Dự kiến sản lượng tra nạp năm 2022 là 152.001 tấn, bằng 274% so với thực hiện năm 2021.

1.2. Về Doanh thu: Dự kiến doanh thu năm 2022 là 51.460 triệu đồng, bằng 245% so với thực hiện năm 2021, trong đó:

+ Doanh thu dịch vụ tra nạp: 47.103 triệu đồng, bằng 282% so với thực hiện năm 2021.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 3.149 triệu đồng, bằng 99% so với thực hiện năm 2021.

+ Doanh thu khác (Tiết kiệm hao hụt nhiên liệu): 1.207 triệu đồng, bằng 114% so với thực hiện năm 2021.

1.3. Về Chi phí: Dự kiến chi phí năm 2022 là 45.660 triệu đồng, bằng 137% so với thực hiện năm 2021, cụ thể theo bảng sau:

TT	Nội dung	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ KH2022 /TH2021
	TỔNG CHI PHÍ	33.350	45.660	137%
1	Chi phí nhân công	12.650	19.578	155%
2	Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	662	1.392	210%
3	Chi phí công cụ dụng cụ	32	72	225%
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	9.125	9.100	100%
5	Các khoản thuế, phí, lệ phí	93	155	167%
6	Chi phí sửa chữa tài sản	3.189	5.056	159%
7	Chi phí thuê tài sản	866	930	107%
8	Chi phí bảo hiểm tra nạp, cháy nổ, TNDS,....	4.055	4.269	105%
9	Chi phí đào tạo, huấn luyện	180	247	137%
10	Chi phí đào tạo, hợp tác Quốc tế	0	250	
11	Chi phí dịch vụ mua ngoài	461	579	126%
12	Chi phí phục vụ hoạt động thường xuyên	2.037	4.032	198%

2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2022

2.1. Về công tác quản trị

- Thường xuyên cập nhật tình hình thị trường, tần suất bay của các hãng hàng không tại Nhà ga T2 – Cảng HKQT Nội Bài.
- Phối hợp làm việc với SKYPEC, PA để khai thác tối đa sản lượng tra nạp quốc tế nhằm tăng doanh thu cho đơn vị.
- Tiết giảm tối đa các chi phí SXKD đảm bảo hiệu quả SXKD năm 2022 của Công ty.
- Bố trí lực lượng lao động làm việc phù hợp với tình hình khai thác thực tế. Chi phí lương và hiệu suất lao động được tính toán cho phù hợp với năng suất lao động, tuân thủ đúng quy định của Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có vốn góp chi phối của Nhà nước.
- Quán triệt CBCNV sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, tiết kiệm điện nước,...
- Nghiên cứu, cân đối dòng tiền để tăng hiệu quả của đầu tư tài chính trong năm 2022.
- Thực hiện quản lý số hóa các trang thiết bị kỹ thuật của hệ thống FHS.

2.2. Về công tác đầu tư

- Trong năm 2022, Công ty không đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống trang thiết bị, chỉ duy trì công tác bảo trì bảo dưỡng hệ thống FHS ở mức tối thiểu để bảo đảm hoạt động theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất thiết bị. Bố trí sử dụng xe truyền tiếp nhiên liệu cho phù hợp để giảm chi phí bảo dưỡng, bảo trì nhằm sử dụng có hiệu quả các xe truyền tiếp.

2.3. Công tác bảo trì, sửa chữa:

- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị của hệ thống tra nạp nhiên liệu ngầm và các phương tiện tra nạp đúng định kỳ theo quy định tiêu chuẩn.
- Giảm tiến độ thực hiện một số hạng mục chưa thực sự cần thiết để tiết giảm chi phí hoạt động thường xuyên.

2.4. Về công tác đào tạo: chỉ thực hiện tổ chức các lớp đào tạo bắt buộc theo quy định đặc thù của ngành, không tổ chức các lớp đào tạo nâng cao,...

2.5. Công tác tiếp nhận và khai thác: Thực hiện việc kiểm tra định kỳ, đảm bảo chất lượng nhiên liệu từ các khâu tiếp nhận, bảo quản và tra nạp theo hợp đồng ký kết với nhà cung cấp. Phân công nhân lực đảm bảo hoạt động và quy trình Khai thác hệ thống theo yêu cầu của khách hàng.

2.6. Công tác tra nạp: mục tiêu đạt ra 100% số chuyến được tra nạp đúng giờ (OTP) và đảm bảo an ninh an toàn cho các chuyến bay tra nạp tại sân đỗ nhà ga T2 – Nội Bài.

2.7. Công tác an ninh, an toàn

- Duy trì tốt công tác kiểm tra, giám sát công tác xuất, nhập nhiên liệu, công tác tra nạp nhiên liệu, vận hành hệ thống,...đảm bảo tuân thủ đúng quy trình quy định về an ninh an toàn.

- Tổ chức bố trí người tuần tra, canh gác đảm bảo hoạt động kiểm soát an ninh hàng không theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm)

3. Đề xuất, kiến nghị


Do diễn biến phức tạp của dịch Covid 19 cũng như ảnh hưởng của cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ucraina, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của NAFSC phù hợp với hoạt động bay tại Cảng HKQT Nội Bài nhằm đảm bảo tính ổn định, hoạt động liên tục của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty cổ phần dịch vụ nhiên liệu hàng không Nội Bài.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT. 



GIÁM ĐỐC

Nghiêm Mạnh Tuấn

PHỤ LỤC 01: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 190/BC-NAFSC ngày 13 tháng 05 năm 2022)

Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH21/ KH21 (%)	Tỷ lệ TH21 /TH20
A	Sản lượng (Tấn)	98.728	68.140	55.396	81%	56%
	Quốc tế	90.460	61.386	52.435	85%	58%
	Nội địa	8.268	6.754	2.961	44%	36%
B	Tổng doanh thu	35.001.402.099	23.494.443.753	20.963.531.834	89%	60%
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	29.323.965.780	20.076.530.000	16.714.100.530	83%	57%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	5.053.714.700	2.741.545.753	3.188.330.469	116%	63%
3	Doanh thu khác (Bao gồm thưởng tiết kiệm hao hụt nhiên liệu)	623.721.619	676.368.000	1.061.100.835	157%	170%
C	Tổng chi phí	49.825.750.993	38.071.996.836	33.349.649.249	88%	67%
I	Chi phí nhân công	21.989.211.331	15.356.141.535	12.650.497.379	82%	58%
1	Chi phí tiền lương (Quỹ tiền lương)	18.000.000.000	11.956.278.659	9.804.149.000	82%	54%
	+ Quỹ lương cơ bản	8.873.751.224	8.211.048.276			0%
	+ Quỹ lương năng suất	9.126.248.776	3.745.230.383			0%
	Tiền lương bình quân người có HDLĐ (đồng/người/tháng)	10.714.286	7.116.833	5.913.238	83%	55%
	Lao động bình quân người có HDLĐ	140	140	138	99%	99%
	Tiền lương bình quân người đi làm thực tế (đồng/người/tháng)	13.432.836	11.070.628	10.738.859	97%	80%
	Lao động bình quân đi làm thực tế	112	90	76	85%	68%
2	Các khoản chi mang tính chất phúc lợi	1.025.800.000	890.000.000	722.350.000	81%	70%
3	Các khoản chi phí trích theo lương bắt buộc theo quy định hiện hành	2.963.411.331	2.509.862.876	2.123.998.379	85%	72%
	- Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	2.193.394.520	1.864.808.331	1.578.943.239	85%	72%
	- Chi phí tiền ăn giữa ca	770.016.811	645.054.545	545.055.140	84%	71%
II	Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	1.063.597.550	918.228.849	661.817.686	72%	62%
1	Nhiên liệu	409.385.910	376.880.849	278.087.740	74%	68%
2	Chi phí vật tư phục vụ thử nghiệm, bảo quản, tra nạp nhiên liệu và vật tư khác	654.211.640	541.348.000	383.729.946	71%	59%
III	Chi phí công cụ dụng cụ	85.608.773	75.050.000	32.142.909	43%	38%
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.550.529.280	9.166.219.489	9.125.095.903	100%	73%
V	Các khoản thuế, phí, lệ phí	123.443.558	102.200.000	92.918.656	91%	75%
1	Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000	3.000.000	100%	100%
2	Phí, lệ phí	120.443.558	99.200.000	89.918.656	91%	75%
VI	Chi phí sửa chữa tài sản	4.748.474.694	3.862.291.166	3.188.621.400	83%	67%
VII	Chi phí thuê tài sản	896.698.930	897.096.000	865.826.590	97%	97%
1	Thuê văn phòng tầng 1 nhà ga T2 (m2)	716.098.930	732.072.000	685.226.590	94%	96%
2	Thuê sân đỗ nhà ga T2 (m2)	180.600.000	180.600.000	180.600.000	100%	100%
VIII	Chi phí bảo hiểm tra nạp, cháy nổ, TNDS,....	4.366.111.550	4.182.261.882	4.055.357.378	97%	93%
IX	Chi phí đào tạo, huấn luyện	229.699.524	284.380.000	179.960.000	63%	78%
X	Chi phí đào tạo, hợp tác Quốc tế	0	0	0		
XI	Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.169.064	463.598.286	460.791.221	99%	76%
1	Chi phí khám sức khỏe	176.392.200	152.784.000	154.057.900	101%	87%
2	Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính	45.000.000	45.000.000	40.000.000	89%	89%
3	Dịch vụ đảm bảo an ninh phương tiện vào sân đỗ - Khu cách lý Nhà ga T2	4.200.000	4.200.000	4.440.000	106%	106%
4	Thuê liều kế cá nhân và dịch vụ giám sát liều kế định kỳ (4 lần/năm)	21.714.286	21.714.286	17.142.857	79%	79%
5	Thuê chuyên gia BoA kiểm tra, đánh giá hàng năm chứng chỉ công nhận VILAS của phòng thử nghiệm	17.000.000	12.000.000	7.500.000	63%	44%
6	Chi phí thu gom rác sinh hoạt	13.614.545	15.000.000	16.363.636	109%	120%

Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH21/ KH21 (%)	Tỷ lệ TH21 /TH20
7	Chi phí quan trắc môi trường	21.940.000	22.000.000	21.940.000	100%	100%
8	Chi phí dịch vụ NIA hỗ trợ công tác PCCC, dịch vụ y tế tại Cảng HKQT Nội Bài	105.000.000		0		0%
9	Chi phí Phòng cháy chữa cháy	77.083.275	75.900.000	74.389.100	98%	97%
10	Chi phí huấn luyện dân quân tự vệ	13.820.000	14.000.000	10.458.000	75%	76%
11	Chi phí dịch vụ y tế với Trung tâm y tế Sóc Sơn	21.000.000	21.000.000	21.000.000	100%	100%
12	Chi phí khác	91.404.758	80.000.000	93.499.728	117%	102%
	<i>Trong đó: Chi phí phòng chống dịch Covid 19</i>			15.808.354		
XII	Chi phí phục vụ hoạt động thường xuyên	3.164.206.739	2.764.529.629	2.036.620.127	74%	64%
1	Chi công tác phí, tàu xe đi lại	192.090.546	182.000.000	61.893.782	34%	32%
2	Chi phí giao dịch, tiếp khách	184.932.505	176.000.000	74.084.809	42%	40%
3	Chi phí hội nghị, khánh tiết	193.187.273	174.000.000	120.243.247	69%	62%
4	Chi văn phòng phẩm	86.040.000	73.715.950	53.613.000	73%	62%
5	Chi phí tiền điện	1.127.409.307	1.058.532.938	828.957.386	78%	74%
6	Chi phí tiền nước	50.970.461	50.984.192	38.796.648	76%	76%
7	Chi phí điện thoại, thông tin liên lạc	160.108.167	142.294.549	135.516.301	95%	85%
8	Chi phí thuê tên miền, duy trì quản lý và bảo trì trang WEB	2.241.670	2.690.000	2.690.000	100%	120%
9	Chi phí nghỉ mát	0	0	0		
10	Chi phí trang phục công tác	342.500.000	280.000.000	198.000.000	71%	58%
11	Chi phí bảo hộ lao động	218.565.000	146.632.000	79.160.000	54%	36%
12	Chi phí độc hại	206.109.085	173.280.000	139.709.086	81%	68%
13	Thù lao HDQT + Ban kiểm soát	316.800.000	224.400.000	224.400.000	100%	71%
14	Chi phí khác	83.252.725	80.000.000	79.555.868	99%	96%
D	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	-14.824.348.894	-14.577.553.083	-12.386.117.415		
E	DỰ KIẾN HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG CHI PHÍ SỬA CHỮA TSCĐ		12.000.000.000	11.961.178.422		
F	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ SAU KHI HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG CHI PHÍ SỬA CHỮA TSCĐ		-2.577.553.083	-424.938.993		

Người lập

Đào Thị Xuân

Kế toán trưởng

Nguyễn Công Thành



Giám đốc

Nguyễn Mạnh Tuấn

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 190/BC-NAFSC ngày 13 tháng 05 năm 2022)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ KH2022 /TH2021
(1)	(2)	(3)	(4)	5=(4)/(3)
A	SẢN LƯỢNG (TẤN)	55.396	152.001	274%
1	Sản lượng tra nạp bay quốc tế	52.435	151.946	290%
2	Sản lượng tra nạp bay nội địa	2.961	55	2%
B	TỔNG DOANH THU	20.963.531.834	51.459.758.254	245%
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	16.714.100.530	47.103.230.582	282%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	3.188.330.469	3.148.727.671	99%
3	Doanh thu khác (Thường tiết kiệm hao hụt nhiên liệu)	1.061.100.835	1.207.800.000	114%
C	TỔNG CHI PHÍ	33.349.649.249	45.660.225.851	137%
I	Chi phí nhân công	12.650.497.379	19.578.180.130	155%
1	Chi phí tiền lương (Quỹ lương)	9.804.149.000	15.576.474.624	159%
	Tiền lương bình quân người có HĐLĐ (đồng/người/tháng)	5.913.238	9.759.696	165%
	Lao động bình quân người có HĐLĐ	138	133	96%
	Tiền lương bình quân người đi làm thực tế (đồng/người/tháng)	10.738.859	13.663.574	127%
	Lao động bình quân đi làm thực tế	76	95	125%
2	Các khoản chi lễ tết mang tính chất phúc lợi	722.350.000	1.282.920.000	178%
3	Các khoản chi phí bắt buộc theo quy định	2.123.998.379	2.718.785.506	128%
	- Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.578.943.239	1.912.704.702	121%
	- Chi phí tiền ăn giữa ca	545.055.140	806.080.804	148%
II	Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	661.817.686	1.391.780.215	210%
1	Nhiên liệu	278.087.740	723.802.215	260%
2	Chi phí vật tư phục vụ thử nghiệm, bảo quản, tra nạp nhiên liệu và vật tư khác	383.729.946	667.978.000	174%
III	Chi phí công cụ dụng cụ	32.142.909	72.300.000	225%
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.125.095.903	9.100.282.514	100%
V	Các khoản thuế, phí, lệ phí	92.918.656	155.470.000	167%
1	Lệ phí môn bài	3.000.000	3.000.000	100%
2	Phí, lệ phí	89.918.656	152.470.000	170%
VI	Chi phí sửa chữa tài sản	3.188.621.400	5.055.524.568	159%
VIII	Chi phí thuê tài sản	865.826.590	929.664.000	107%
1	Thuê văn phòng tầng 1 nhà ga T2 (m2)	685.226.590	749.064.000	109%
2	Thuê sân đỗ nhà ga T2 (m2)	180.600.000	180.600.000	100%
VIII	Chi phí bảo hiểm tra nạp, cháy nổ, TNDS,....	4.055.357.378	4.268.940.331	105%
IX	Chi phí đào tạo, huấn luyện	179.960.000	246.520.000	137%
X	Chi phí đào tạo, hợp tác Quốc tế	0	250.000.000	
XI	Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.791.221	579.071.494	126%
1	Chi phí khám sức khỏe định kỳ	154.057.900	96.695.000	112%
2	Chi phí khám bệnh nghề nghiệp	0	75.530.000	

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ KH2022 /TH2021
3	Chi phí phòng dịch Covid-19	0	66.500.000	
4	Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính	40.000.000	50.000.000	125%
5	Dịch vụ đảm bảo an ninh phương tiện vào sân đỗ - Khu cách lý Nhà ga T2	4.440.000	7.800.000	176%
6	Thuê liều kế cá nhân và dịch vụ giám sát liều kế định kỳ (4 lần/năm)	17.142.857	17.142.857	100%
7	Thuê chuyên gia BoA kiểm tra, đánh giá hàng năm chứng chỉ công nhận VILAS của phòng thử nghiệm	7.500.000	24.000.000	320%
8	Chi phí thu gom rác sinh hoạt	16.363.636	16.363.636	100%
9	Chi phí quan trắc môi trường	21.940.000	23.640.000	108%
10	Chi phí Phòng cháy chữa cháy	74.389.100	78.400.000	105%
11	Chi phí huấn luyện dân quân tự vệ	10.458.000	12.000.000	115%
12	Chi phí dịch vụ y tế với Trung tâm y tế Sóc Sơn	21.000.000	21.000.000	100%
13	Chi phí khác	93.499.728	90.000.000	96%
XIII	Chi phí phục vụ hoạt động thường xuyên	2.036.620.127	4.032.492.600	198%
1	Chi công tác phí, tàu xe đi lại	61.893.782	262.777.683	425%
2	Chi phí giao dịch, tiếp khách	74.084.809	196.893.584	266%
3	Chi phí hội nghị, khánh tiết, in lịch	120.243.247	302.179.500	251%
4	Chi văn phòng phẩm	53.613.000	88.391.000	165%
5	Chi phí tiền điện	828.957.386	1.110.995.909	134%
6	Chi phí tiền nước	38.796.648	52.962.560	137%
7	Chi phí điện thoại, thông tin liên lạc	135.516.301	212.312.728	157%
8	Chi phí thuê tên miền, duy trì quản lý và bảo trì trang WEB, bản quyền phần mềm thi trực tuyến	2.690.000	5.919.000	220%
9	Chi phí nghỉ mát	0	399.000.000	
10	Chi phí trang phục công tác	198.000.000	332.500.000	168%
11	Chi phí bảo hộ lao động	79.160.000	234.997.000	297%
12	Chi phí độc hại	139.709.086	215.563.636	154%
13	Thù lao HĐQT + Ban kiểm soát	224.400.000	528.000.000	235%
14	Chi phí khác	79.555.868	90.000.000	113%
D	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	-12.386.117.415	5.799.532.402	
E	HOÀN NHẬP CHI PHÍ SỬA CHỮA TSCĐ TRÍCH TRƯỚC	11.961.178.422		
F	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ SAU KHI HOÀN NHẬP CHI PHÍ SỬA CHỮA TSCĐ TRÍCH TRƯỚC	-424.938.993		

NGƯỜI LẬP

Minh

Triệu Quang Minh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ch

Nguyễn Công Thành

GIÁM ĐỐC



Minh Tuấn
Nguyễn Mạnh Tuấn